

Số: /2025/NQ-HĐND

Hải Dương, ngày tháng 02 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động
nghỉ việc trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy trên địa bàn tỉnh Hải Dương

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 29

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật Viên
chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật
Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019; Luật Bảo
hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014; Luật Ngân sách nhà nước ngày 25
tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 135/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 11 năm 2020 của
Chính phủ quy định về tuổi nghỉ hưu; Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31
tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công
chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp
tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21
tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của
Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 01/2025/TT-BNV ngày 17 tháng 01 năm 2025 của Bộ
trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chính sách, chế độ đối với cán bộ, công
chức, viên chức và người lao động trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của
hệ thống chính trị;

Xét Tờ trình số 29/TTr-UBND ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban
nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về
chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động nghỉ
việc trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy trên địa bàn tỉnh Hải Dương; Báo
cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của
đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức; người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật lao động trước thời điểm ngày 15/01/2019 (gọi tắt là người lao động) thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện được tỉnh giao biên chế, hưởng lương từ ngân sách nhà nước của tỉnh nghỉ việc (nghỉ hưu trước tuổi và nghỉ thôi việc) trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy. Gồm có:

a) Các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội ở cấp tỉnh, cấp huyện.

b) Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc: Cơ quan Đảng, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, sở, ban, ngành và tương đương, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

c) Các đơn vị sự nghiệp công lập khác thuộc tỉnh hoàn thành việc sắp xếp tổ chức hoặc cơ cấu lại nhân lực của đơn vị trong thời gian 12 tháng từ khi có quyết định của cấp có thẩm quyền.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 2 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, có đơn tự nguyện xin nghỉ việc chậm nhất 03 tháng và nghỉ việc trong thời hạn 12 tháng đầu tiên kể từ khi có quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy của cơ quan có thẩm quyền.

b) Cán bộ, công chức, viên chức giữ chức danh lãnh đạo quản lý không làm việc trực tiếp tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện sắp xếp nhưng có đơn tự nguyện xin nghỉ việc chậm nhất 03 tháng và nghỉ việc trong thời hạn 12 tháng đầu tiên kể từ khi có quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy của cơ quan có thẩm quyền để tạo thuận lợi trong việc điều động, cơ cấu cán bộ, công chức, viên chức thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy.

c) Nghị quyết này không áp dụng đối với: Cán bộ, công chức cấp xã; viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý ngành giáo dục và y tế.

3. Trường hợp Chính phủ bổ sung phạm vi điều chỉnh, đối tượng được hỗ trợ quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP thì đối tượng thuộc phạm vi điều chỉnh đó cũng được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết này.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng

1. Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân trong quá trình thực hiện chính sách hỗ trợ.

2. Gắn với việc tinh giản biên chế do sắp xếp tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, chức vụ, chức danh.

3. Bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ, khách quan, công bằng, công khai, minh bạch và theo quy định của pháp luật.

4. Bảo đảm giải quyết chế độ, chính sách hỗ trợ kịp thời, đầy đủ theo quy định của pháp luật; sử dụng đúng, hiệu quả ngân sách nhà nước.

Điều 3. Cách xác định thời gian và tiền lương để tính hưởng chính sách hỗ trợ

1. Thời gian nghỉ sớm để tính số tháng hưởng chính sách nghỉ hưu trước tuổi là thời gian kể từ thời điểm nghỉ hưu ghi tại quyết định nghỉ hưu trước tuổi đến tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục I và Phụ lục II Nghị định số 135/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ về tuổi nghỉ hưu.

2. Thời gian tính trợ cấp thôi việc là thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong các cơ quan của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và lực lượng vũ trang:

a) Trường hợp thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc từ đủ 05 năm trở lên thì thời gian tính hưởng trợ cấp thôi việc tối đa là 05 năm (60 tháng).

b) Trường hợp thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc dưới 05 năm thì thời gian tính hưởng trợ cấp thôi việc bằng thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc.

3. Thời điểm lấy làm căn cứ để tính đủ tuổi đời hưởng chính sách hỗ trợ nghỉ việc là ngày 01 tháng sau liền kề với tháng sinh; trường hợp trong hồ sơ không xác định ngày, tháng sinh trong năm thì lấy ngày 01 tháng 01 của năm sinh.

4. Tiền lương tháng hiện hưởng là tiền lương tháng liền kề trước khi nghỉ việc, bao gồm: Mức tiền lương theo ngạch, bậc, chức vụ, chức danh, chức danh nghề nghiệp hoặc mức lương theo thỏa thuận ghi trong hợp đồng lao động và các khoản phụ cấp lương (gồm: Phụ cấp chức vụ lãnh đạo; phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề; phụ cấp ưu đãi theo nghề; phụ cấp trách nhiệm theo nghề; phụ cấp công vụ; phụ cấp công tác đảng, đoàn thể chính trị - xã hội).

Điều 4. Chính sách hỗ trợ nghỉ hưu trước tuổi

Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này khi nghỉ hưu trước tuổi ngoài được hưởng chính sách theo quy định của pháp luật hiện hành còn được tính hỗ trợ như sau:

1. Đối với người có độ tuổi còn dưới 02 năm đến tuổi nghỉ hưu được hưởng các chế độ sau:

a) Được hưởng mức hỗ trợ bằng 01 tháng tiền lương hiện hưởng nhân với số tháng còn lại kể từ thời điểm nghỉ hưu trước tuổi đến hết ngày 31 tháng 12 của năm nghỉ hưu trước tuổi.

Riêng đối tượng có thời điểm nghỉ hưu trước thời điểm ngày 31 tháng 12 của năm nghỉ hưu trước tuổi thì số tháng được hưởng hỗ trợ tính đến thời điểm nghỉ hưu theo quy định.

b) Được hưởng mức hỗ trợ bằng 0,2 tháng tiền lương hiện hưởng nhân với số tháng nghỉ sớm so với thời điểm nghỉ hưu.

2. Đối với người có độ tuổi còn từ đủ 02 năm đến đủ 10 năm đến tuổi nghỉ hưu được hưởng các chế độ sau:

a) Được hưởng mức hỗ trợ bằng 01 tháng tiền lương hiện hưởng nhân với số tháng còn lại kể từ thời điểm nghỉ hưu trước tuổi đến hết ngày 31 tháng 12 của năm nghỉ hưu trước tuổi.

b) Được hưởng mức hỗ trợ bằng 0,1 tháng tiền lương hiện hưởng nhân với số tháng nghỉ sớm so với thời điểm nghỉ hưu (tối đa 60 tháng).

Điều 5. Chính sách hỗ trợ nghỉ thôi việc

Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này khi nghỉ thôi việc ngoài được hưởng chính sách theo quy định của pháp luật hiện hành còn được tính hỗ trợ như sau:

1. Được hưởng mức hỗ trợ bằng 01 tháng tiền lương hiện hưởng nhân với số tháng còn lại kể từ thời điểm nghỉ thôi việc đến hết ngày 31 tháng 12 của năm nghỉ việc.

2. Được hưởng mức hỗ trợ bằng 0,1 tháng tiền lương hiện hưởng nhân với số tháng tính hưởng trợ cấp thôi việc.

Điều 6. Kinh phí thực hiện

Kinh phí đảm bảo thực hiện chính sách hỗ trợ tại Nghị quyết này được bố trí từ ngân sách địa phương theo phân cấp quản lý.

Điều 7. Thu hồi số tiền đã hỗ trợ

1. Đối tượng áp dụng tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này nếu được bầu cử, tuyển dụng, tiếp nhận (tuyển chọn) lại vào các cơ quan, tổ chức, đơn vị hưởng lương từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh trong thời gian 05 năm (60 tháng) kể từ ngày nghỉ việc thì phải hoàn trả lại toàn bộ số tiền hỗ trợ đã nhận.

2. Cơ quan, đơn vị bầu cử, tuyển dụng, tiếp nhận (tuyển chọn) lại, có trách nhiệm thu hồi toàn bộ số tiền đã hỗ trợ, nộp ngân sách nhà nước theo quy định.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương khóa XVII, kỳ họp thứ 29 thông qua và có hiệu lực từ ngày 20 tháng 02 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Ban Thường vụ Tỉnh uỷ;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQ, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh uỷ, UBND tỉnh;
- Lãnh đạo và CV VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Báo HD, Đài PT-TH tỉnh, Trang TTĐT Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, Trung tâm CNTT - VP UBND tỉnh;
- Lưu VT.

} (Để b/c)

CHỦ TỊCH

Lê Văn Hiệu